

Bản án số: 379/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phan Minh Tuấn;

- Ông Vương Đình Quang;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Trang; Thư ký Toà án nhân dân
quận Nam Từ Liêm.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên
tòa:** Ông Đỗ Trần Nam; Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ
Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & Gia đình
thụ lý số: 207/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, về việc: Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
162/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số:
188/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2024, đối với các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ninh Đức D; Sinh năm: 1988;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H; Sinh năm: 1991;

Cùng địa chỉ: Số F, ngách E, tổ dân phố số A, P, phường M, quận N, thành phố
Hà Nội.

(Anh D có mặt, chị H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2024, quá trình giải quyết vụ án, anh
Ninh Đức D, là Nguyên đơn trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Anh Ninh Đức D và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn năm 2018,
có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành

phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, anh D và chị H thường xuyên mâu thuẫn, đỉnh điểm từ tháng 4/2023, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã có lần vợ chồng đánh lẫn nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải giữa hai vợ chồng nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay. Nhận thấy quan hệ hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh D xác định không còn tình cảm với chị H, đề nghị Tòa án cho anh D được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh D và chị H có 01 con chung là: Cháu Ninh Thu N, sinh ngày 01/10/2018. Khi ly hôn, anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu N, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh D và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 06/5/2024, quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thu H, là Bị đơn có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Chị H và anh Ninh Đức D kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố Hà Nội như anh D trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H với chồng và gia đình chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, anh D dùng vũ lực và lời con bỏ đi. Hiện tại, vợ chồng đã ly thân được 03 tháng và không có nhu cầu hàn gắn. Nay, anh D xin ly hôn, chị H đồng ý vì không có khả năng đoàn tụ.

Về con chung: Chị H và anh D có 01 con chung như anh D trình bày là đúng. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N. Về cấp dưỡng nuôi cháu N, chị H và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H và anh D có 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MG, BKS: 30H – 469.10, mua từ đầu năm 2022. Khi mua chiếc xe là 600.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng*), trong đó có 200.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng*) là tiền của bố mẹ anh D cho anh D và vay tiền Ngân hàng TMCP T1, chi nhánh H1 là 330.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm, ba mươi triệu đồng*). Chiếc xe này hiện anh D đang quản lý và sử dụng. Giá trị còn lại của chiếc xe ô tô trên thị trường hiện nay còn khoảng 230.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi triệu đồng*).

Về nợ chung: Chị H và anh D vay tiền Ngân hàng TMCP T1, chi nhánh H1 để mua chiếc xe ô tô trên là 330.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm, ba mươi triệu đồng*). Hiện nay, số tiền nợ ngân hàng còn 190.300.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm chín mươi triệu, ba trăm nghìn đồng*). Chị H đề nghị Tòa án buộc anh D bán chiếc xe ô tô trên để trả nợ Ngân hàng vì chị H không muốn liên quan đến khoản nợ của Ngân hàng nữa. Ngoài ra không còn tài sản và khoản nợ nào khác.

Tại phiên họp và hòa giải ngày 28/5/2024, anh D trình bày: Tôi xác nhận có vay tiền Ngân hàng TMCP T1, chi nhánh H1 để mua chiếc xe ô tô trên là 330.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm, ba mươi triệu đồng*). Hiện nay, số tiền nợ Ngân hàng còn 190.300.000 đồng. Hôm nay ngày 28/5/2024, tôi đã đến Ngân hàng TMCP T1, chi nhánh H1 để tắt toán khoản vay với số tiền là 190.300.000 đồng. Tôi đã ký những giấy tờ Ngân hàng đưa ra để tắt toán, chị H không chịu ký hợp tác. Chị H trình bày: Hôm nay ngày 28/5/2024 tôi có đến Ngân hàng TMCP T1, chi nhánh H1 để hoàn tất thủ tục tắt toán với Ngân hàng, tôi có yêu cầu bên mua xe viết giấy mua bán xe tại Ngân hàng để Ngân hàng xác nhận thì họ không làm nên tôi không ký.

Ngày 06/5/2024, chị H nộp đơn yêu cầu phản tố có nội dung như sau: “*Ly hôn thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết dứt điểm đối với chiếc xe nêu trên (bán để trả nợ Ngân hàng và dứt điểm khoản nợ trên, tôi không muốn liên quan đến nữa)*”.

Ngày 28/5/2024, Tòa án đã có Thông báo về việc yêu cầu sửa đổi bổ sung yêu cầu phản tố số: 25/TB-TA, yêu cầu chị H sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu phản tố và giao nộp bản sao các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu phản tố.

Xét thấy: Chị H là Người có yêu cầu phản tố không sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu phản tố và không giao nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo yêu cầu phản tố theo yêu cầu của Thẩm phán quy định tại Khoản 2 Điều 193 của Bộ luật tố tụng Dân sự, thuộc trường quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng Dân sự, ngày 14/6/2024, Tòa án đã có Thông báo: 34/TB-TA về việc không chấp nhận đơn yêu cầu phản tố của chị H.

Tại phiên tòa, chị H là Bị đơn vắng mặt không có lý do; Anh D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Anh D đồng ý giao con chung là cháu N1 Thu Ngân cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu đồng*)/tháng tính từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70; 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70; 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân & Gia đình; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Ninh Đức D đối với chị Nguyễn Thị Thu H; Cho anh D được ly hôn với chị H; Về con chung: Giao cháu N1 Thu Ngân cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Ghi nhận sự tự nguyện của anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu đồng*)/tháng tính từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung: Do chị H không có mặt tại phiên tòa, anh D là nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Giành quyền khởi kiện cho chị H khi có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Ninh Đức D khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Thu H; Địa chỉ: Số F, ngách E, tổ dân phố số A, P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội;

Đây là vụ án Hôn nhân & Gia đình, tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại phường M, quận N, thành phố Hà Nội, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70; 71 của Bộ luật tố

tụng Dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70; 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất, chị H là Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa ngày 07/8/2024 theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, chị H là Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 06/5/2024, chị H nộp đơn yêu cầu phản tố; Ngày 28/5/2024, Tòa án đã có Thông báo về việc yêu cầu sửa đổi bổ sung yêu cầu phản tố số: 25/TB-TA, yêu cầu chị H sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu phản tố và giao nộp bản sao các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu phản tố.

Xét thấy: Chị H là Người có yêu cầu phản tố không sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu phản tố và không giao nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo yêu cầu phản tố theo yêu cầu của Thẩm phán quy định tại Khoản 2 Điều 193 của Bộ luật tố tụng Dân sự, thuộc trường quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng Dân sự, ngày 14/6/2024, Tòa án đã có Thông báo: 34/TB-TA về việc không chấp nhận đơn yêu cầu phản tố của chị H, là đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

[3] Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Tại phiên tòa, anh Ninh Đức D là Nguyên đơn đề nghị như sau: Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh D được ly hôn với Chị Nguyễn Thị Thu H; Về con chung: Anh D và chị H có 01 con chung là: Cháu Ninh Thu N, sinh ngày 01/10/2018. Khi ly hôn, anh D đồng ý giao con chung là cháu N1 Thu Ngân cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu đồng*)/tháng tính từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung: Anh D và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Anh Ninh Đức D và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 22/11/2018 tại UBND phường M, quận N, thành phố Hà Nội, là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về mâu thuẫn vợ chồng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh D khai: Quá trình chung sống, anh D và chị H thường xuyên mâu thuẫn, đình đốn từ tháng 4/2023, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường

xuyên cãi nhau và đã có lần vợ chồng đánh lẫn nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải giữa hai vợ chồng nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay, không có khả năng đoàn tụ, anh D xác định không còn tình cảm với chị H, đề nghị Tòa án cho anh D được ly hôn với chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bản thân chị H không có nhu cầu hàn gắn. Nay, anh D xin ly hôn, chị H đồng ý vì không có khả năng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng anh D, chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh D xin ly hôn với chị H là có căn cứ, nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình cho anh D được ly hôn với chị H.

Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh D và chị H khai: Anh chị có 01 con chung là cháu Ninh Thu N, sinh ngày 01/10/2018. Anh D và chị H cùng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N khi ly hôn. Tại phiên tòa, anh D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đồng ý giao con chung là cháu N1 Thu Ngân cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu đồng*)/tháng tính từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên vọng được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh D và chị H là chính đáng, thể hiện quyền và nghĩa vụ của người cha/mẹ đối với con. Xét điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn của anh D và chị H là như nhau, anh D và chị H đều có việc làm, có thu nhập ổn định, có chỗ ở. Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu N khi anh D và chị H ly hôn, xét về giới tính của cháu N nên giao cháu N cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận đề nghị của anh D tại phiên tòa hôm nay, giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N 4.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu đồng*)/tháng tính từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tại phiên tòa, anh D khai: Anh D đã tất toán toàn bộ khoản nợ tại Ngân hàng TMCP T1, chi nhánh T2 và giao

nộp cho Hội đồng xét xử Giấy xác nhận của Ngân hàng về việc: Khách hàng Ninh Đức D hết dư nợ tại Ngân hàng;

Xét thấy: Chị H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung của chị H. Trường hợp chị H, anh D có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về ý kiến tại phiên tòa của Kiểm sát viên đối với việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con;

[6] Về quyền kháng cáo: Anh D, chị H có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân & Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Ninh Đức D đối với chị Nguyễn Thị Thu H;

1. Anh Ninh Đức D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H;

2. Về con chung: Giao cháu Ninh Thu N, sinh ngày 01/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn cho đến khi con tròn 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác;

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh D đối với cháu N, mức cấp dưỡng là: 4.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu đồng*)/tháng tính từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác;

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh D không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điểm a Khoản 5; Điểm a Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Anh D phải chịu 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ghi nhận anh D đã nộp 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (*Theo Biên lai số: 09613 ngày 24/6/2024*) được trừ vào tiền án phí trong vụ án ly hôn. Anh D còn phải nộp 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Anh D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Chị H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- UBND P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội (Số: 83/22.11.2018)
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy